

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 01 - 2018

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn;

2. Bà Cao Thị Ánh Hồng.

-Thư ký phiên tòa: ông Phan Công Trận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2017/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thanh Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Trần Văn S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thanh Th (sau đây gọi chị Th) trình bày: giữa chị và bị đơn Trần Văn S (sau đây gọi anh S) tự tìm hiểu và tự nguyện quyết định đi đến đời sống chung năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, anh Sum khi đi nhậu về còn kiêu chuyệ đánh

đập chị, đồng thời còn có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh S.

-Về con chung: có hai người con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 02.9.2000 và cháu Trần Đình T, sinh ngày 19.12.2006. Từ khi ly thân đến nay, cháu H đi học nghề tại thành phố Hồ Chí Minh, cháu T sống với chị. Nay ly hôn chị đồng ý nuôi cháu T, anh S nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, anh S thừa nhận lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là đúng, anh S cho rằng anh không có tình cảm với người phụ nữ khác và anh không có đánh đập vợ như chị Th trình bày. Do tình cảm không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn, về con chung anh đồng ý theo yêu cầu của chị Th; tài sản và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15.01.2018 (có sự chứng kiến của chị Th và anh S) cháu Trần Văn H trình bày: khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha. Cháu Trần Đình T trình bày: khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh S tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

bất đồng quan điểm sống mà không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa đã tạo điều kiện để anh chị được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng cả chị và anh đều xác định là không còn tình cảm vợ chồng và đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận anh chị là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: chị Th và anh S tự nguyện thỏa thuận: chị Th nuôi dưỡng cháu T, anh S nuôi dưỡng cháu H. Chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con; sự thỏa thuận này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các cháu H và T nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét;

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị không công nhận chị Th và anh S là quan hệ vợ chồng, về con chung đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản không yêu cầu, không đặt ra xem xét. Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Th phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thanh Th và anh Trần Văn S.

2. Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Chị Trần Thanh Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Định T (nam), sinh ngày 19 tháng 12 năm 2006, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Trần Văn Sđược trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn H (nam), sinh ngày 02 tháng 9 năm 2000, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung cho chị Th và anh S mà không ai có quyền cản trở.

3.Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thanh Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013119, ngày 28.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm